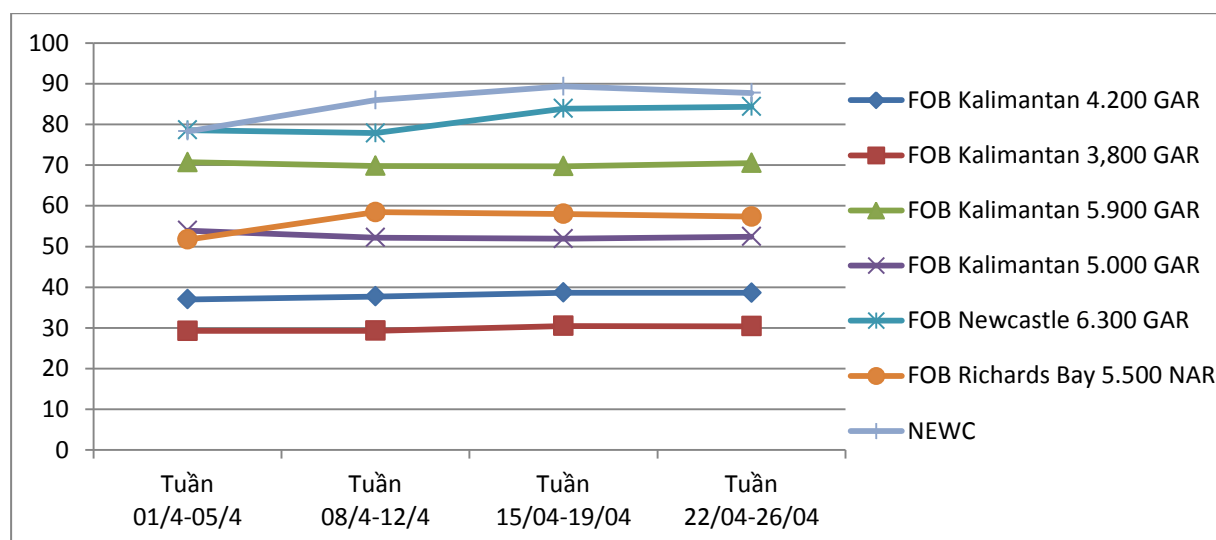


I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 01/04-05/04	Tuần 08/04-12/04	Tuần 15/04-19/04	Tuần 22/04-26/04
FOB Kalimantan 4,200 GAR	37	37,7	38,65	38,62
FOB Kalimantan 3,800 GAR	29,25	29,3	30,50	30,41
FOB Kalimantan 5,900 GAR	70,7	69,80	69,70	70,5
FOB Kalimantan 5,000 GAR	53,9	52,20	51,90	52,42
FOB Newcastle 6,300 GAR	78,6	77,85	83,88	84,33
FOB Richards Bay 5,500 NAR	51,7	58,45	58,00	57,33
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	78,30	85,93	89,34	87,72



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 4 tháng 4 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

	Cước vận tải tuần 4 tháng 4	22/04	23/04	24/04	25/04	26/04
	Tàu Capesize (150,000 tấn)					
1	Úc – Trung Quốc	N/A	7,20	7,25	7,20	7,70
2	Queensland – Nhật Bản	N/A	8,05	8,15	8,10	8,65
3	New South Wales – Hàn Quốc	N/A	8,90	9,00	8,95	9,50
	Tàu Panamax (70,000 tấn)					
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	N/A	11,80	11,80	11,80	11,80
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	N/A	8	8	8	8
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	N/A	11,95	11,95	11,95	11,95
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	N/A	6,65	6,65	6,65	6,65
5	Úc - Trung Quốc	N/A	11,20	11,20	11,20	11,20
6	Úc - Ấn Độ	N/A	12,50	12,50	12,50	12,50

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

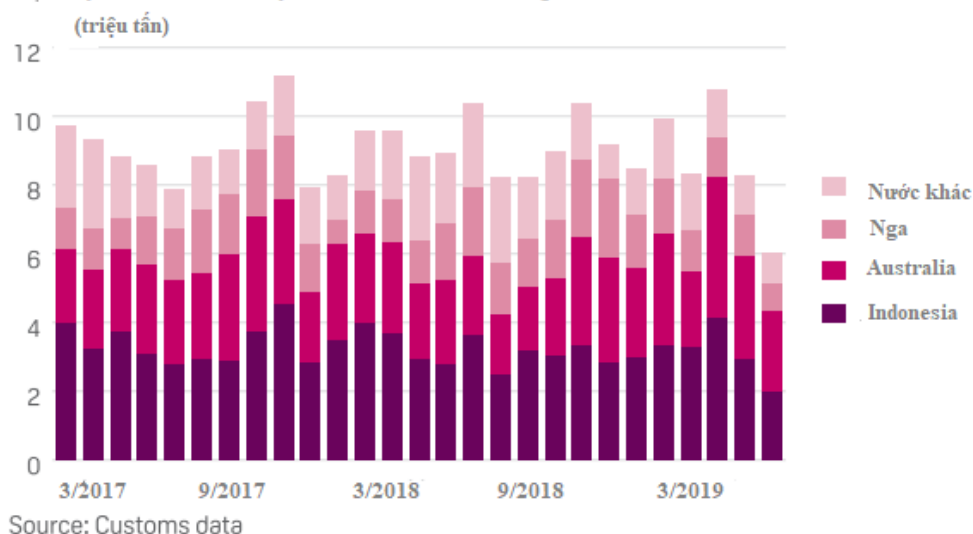
II. ĐIỂM TIN

Lượng than nhập khẩu của Hàn Quốc trong tháng 3 giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm

Hàn Quốc đã nhập khẩu 6,05 triệu tấn than nhiệt trong tháng 3, giảm 26,7% so với tháng 2 và 32,1% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức thấp nhất kể từ khi S&P Global Platts bắt đầu thu thập dữ liệu năm 2012. Thời tiết mùa đông không quá khắc nghiệt, kết hợp với lượng than nhập khẩu lớn trong tháng 1 có thể đã làm giảm nhu cầu nhập các chuyến hàng mới, trong khi đó các dự án nhà máy điện hạt nhân được khởi động lại và nguồn nhiên liệu khí LNG rẻ hơn có thể tiếp tục làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiệt điện trong năm 2019, theo phân tích của S&P Global Platts Analytics.

Trong tháng 3, lượng than nhập khẩu của Australia đạt 2,39 triệu tấn, giảm 20,7% so với tháng 2 và 2,6% so với năm trước. Khối lượng nhập khẩu từ Indonesia đạt 1,96 triệu tấn, giảm 32,7% so với tháng 2 và 28,8% so với tháng 3 năm trước, mức thấp nhất kể từ khi Platts bắt đầu thu thập dữ liệu. Lượng than nhập khẩu từ Nga giảm mạnh xuống còn 767,537 tấn, giảm 37,3% so với tháng trước đó và 54,2% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất kể từ tháng 11 năm 2017. Khối lượng than nhập khẩu từ Colombia, Mỹ và Canada trong tháng 3 đều giảm so với tháng 2 và cùng kỳ năm trước, trong khi lượng than nhập khẩu từ Nam Phi đạt 356.578 tấn, tăng 12,9% so với tháng 2 nhưng giảm 65,5% so với năm trước.

LƯỢNG THAN NHẬP KHẨU CỦA HÀN QUỐC



Lượng than nhập khẩu của Hàn Quốc trong tháng 3

Nguồn	Khối lượng (tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Australia	2.389.144	-20,7	-2,6
Indonesia	1.957.480	-32,7	-28,8
Nga	767.537	-37,3	-54,2
Nam Phi	356.578	12,9	-65,5
Canada	232.093	-38	-41,1
Colombia	155.878	-45,5	-49,5
Các nước khác	191.689	253,8	21,7
Tổng	6.050.399	-26,7	-32,1

Khối lượng than nhập khẩu của Thái Lan trong tháng 3 tăng 5% so với năm trước, đạt 2,11 triệu tấn

Thái Lan đã nhập khẩu 2,11 triệu tấn than - bao gồm than bitum, anthracite và các loại than khác - trong tháng 3, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu Hải quan đưa ra trong thứ 2 (22/4). Giá trị lượng than nhập khẩu trong tháng đạt 132 triệu tấn, cao hơn 0,8% so với tháng 3 năm 2018.

Trên tổng lượng nhập khẩu, 461.935 tấn là than bitum, giảm 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Các chuyến hàng chủ yếu đến từ Nga và đạt 160.354 tấn, trong khi cùng kỳ năm trước Thái Lan không nhập khẩu chuyến nào của Nga. Với các nguồn khác, nhập khẩu từ Indonesia đạt 158.100 tấn, thấp hơn 42,5% so với cùng kỳ năm trước, trong khi than Australia đạt 142.190 tấn, giảm 49,9% so với tháng 3 năm 2018.

Đối với các loại than khác, như than lignite và sub-bitum, khối lượng nhập khẩu tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,61 triệu tấn trong tháng 3. Trong đó chủ yếu là than Indonesia, đạt 1,44 triệu tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Thái Lan đã nhập khẩu 31.704 tấn than anthracite trong tháng, tăng 42,2% so với tháng 3 năm trước, chủ yếu có nguồn gốc từ Nga.

Trong ba tháng đầu năm, Thái Lan đã nhập khẩu 5,99 triệu tấn than, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng khối lượng trên bao gồm 1,89 triệu tấn than bitum (tăng 4,8% so với tháng 3 năm trước), và 4,05 triệu tấn các loại than khác (tăng 8,1% so với tháng 3 năm trước). Giá trị lượng than nhập khẩu trong quý đầu tiên đạt 386 triệu USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Indonesia, Australia và Nga là những nước cung ứng than lớn nhất trong kỳ vừa qua.

Huaneng (Trung Quốc) tìm mua 803.000 tấn than nhiệt Indonesia trong tháng 6

Công ty Điện lực Quốc tế Huaneng Trung Quốc vừa qua đã trao gói thầu bao gồm 15 chuyến hàng, tương đương 803.000 tấn nhiều loại than khác nhau có nguồn gốc từ Indonesia, xếp dỡ trong tháng 6. Công ty mua than nhiệt trị từ 3.000 đến 5.500 kcal/kg NAR trong khoảng giá từ 22,35 - 66,49 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan.

Trong đó khoảng 120.000 tấn là than Indonesia nhiệt trị 3.400 kcal/kg NAR được mua trong khoảng giá 289 đến 301 NDT/tấn, điều kiện CIF Trung Quốc, (tương đương 29,30 - 30 USD/tấn, điều kiện FOB). Khoảng 158.000 tấn là than Indonesia nhiệt trị 3.800 kcal/kg trúng thầu với giá 353 - 370 NDT/tấn, điều kiện CIF Trung Quốc (tương đương 37,75 - 38,12 USD/tấn, điều kiện FOB vận chuyển bằng tàu có cầu). Huaneng mua 115.000 tấn than Indonesia nhiệt trị 4.700 kcal/kg NAR với giá 445 - 482 NDT/tấn, điều kiện CIF Trung Quốc (tương đương 51 - 54 USD/tấn điều kiện FOB, vận chuyển bằng tàu có cầu). Khoảng 125.000 tấn than nhiệt trị 5.250 kcal/kg NAR đã được trao thầu ở mức giá 524 - 524,80/tấn, điều kiện CIF Trung Quốc (tương đương 60,70 - 62,10 USD/tấn, điều kiện FOB vận chuyển bằng tàu có cầu). Hai chuyến hàng than Indonesia nhiệt trị cao 5.400-5.500 kcal/kg NAR, khối lượng khoảng 95.000 tấn, được mua với giá 565 - 579 NDT/tấn, điều kiện CIF Trung Quốc (tương đương 63,60 - 66,49 USD/tấn, điều kiện FOB, vận chuyển bằng tàu có cầu). Tuy nhiên, danh tính các nhà cung cấp trúng gói thầu trên hiện vẫn chưa được tiết lộ.

(Nguồn: S&P Global Platts)